TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN** **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /KDTM - ST
Ngày: 22/5/2024
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN

Với Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Dương Thị Liên
Các hội thẩm nhân dân: ÔngTrần Sinh Tụ và ông Nguyễn Quang Huy
- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Giang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Diệu Ngọc- Kiểm sát viên

Trong các ngày 15 và ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 30/2023/TLST- KDTM ngày 23/10/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng phát hành thẻ tín dụng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXX- ST ngày 13/3/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Q
Địa chỉ: Tầng A và tầng B, Tòa nhà S -A P, phường B, quận A, thành phố Hồ Chí Minh
Đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc V - Chức vụ: Tổng giám đốc
Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Hoàng L, sinh năm 1984; Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ (có mặt)

Bị đơn: Bà Ma Thị T, sinh năm 1983 (có mặt)
Ông Nguyễn Mạnh T1, sinh năm 1974 (có mặt)
Đều địa chỉ: Tổ G, phường T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên.
Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:
Ông Nguyễn Mạnh T2 và ông Nguyễn Mạnh P (xin vắng mặt)
Đều trú tại: Tổ G phường T, thành phố T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP Q trình bày: Ngân hàng TMCP Q chi nhánh T4 có ký hợp đồng tín dụng số 5762575.22 ngày 01/11/2022 cho chị Ma Thị T và anh Nguyễn Mạnh T1 vay số tiền là 1.550.000.000đ, thời hạn vay 9 tháng lãi suất 13,3%/năm, phương thức trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 26. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông T1 đã trả cho ngân hàng 82.469.095đ tiền lãi. Tính đến ngày 14/5/2024 bà T ông T1 còn nợ ngân hàng 1.550.000.000đ tiền gốc và lãi trong hạn là 73.649.059đ, lãi quá hạn là 215.658.895đ.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông T1 và bà T có ký hợp đồng thế chấp số 9053332.22 ngày 01/12/2022 đối với thửa đất số 6 TBĐ số 51 diện tích 69 m2, đăng ký giao thế chấp ngày 01/12/2022 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Ngoài ra bà T còn ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 29/11/2022 với hạn mức 50.000.000đ, đến ngày 29/11/2022 Ngân hàng đã cấp vào thẻ cho bà T số tiền 50 triệu đồng, theo hợp đồng phát hành thẻ thì bà T phải chịu tiền phí duy trì thẻ thường niên 899.000đ/năm, phí thông báo tin nhắn 9.900đ/tháng, lãi chậm thanh toán 200.000đ/tháng.

Tuy nhiên đến ngày 26/5/2023 bà T và ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khóa tài khoản thẻ của bà T, sau đó ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T1 và bà T không trả nợ nên ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T và ông T1 trả nợ gốc và lãi cho ngân hàng. Kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm nếu bà T ông T1 không thanh toán khoản tiền trên thì phải tiếp tục trả khoản tiền lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Nếu không trả được nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị thi hành án phát mại tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ.

Bị đơn bà T và ông T3 trình bày: Có được ký hợp đồng tín dụng số 5762575.22 ngày 01/11/2022 với Ngân hàng TMCP Q chi nhánh T4 vay số tiền là 1.550.000.000đ, thời hạn vay 9 tháng, lãi suất 13,3%/năm, phương thức trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 26. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông T1 đã trả cho ngân hàng 82.469.095đ tiền lãi. Tính đến ngày 14/5/2024 bà T ông T1 còn nợ ngân hàng 1.550.000.000đ tiền gốc và lãi trong hạn, lãi quá hạn như Ngân hàng đã tính.

Ngoài ra bà T còn ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 29/11/2022 với hạn mức 50.000.000đ, cùng ngày 29/11/2022 Ngân hàng đã cấp vào thẻ cho bà T số tiền 50 triệu đồng, theo hợp đồng phát hành thẻ thì bà T phải chịu tiền phí duy trì thẻ thường niên 899.000đ/năm, phí thông báo tin nhắn 9.900đ/tháng, lãi chậm thanh toán 200.000đ/tháng như Ngân hàng trình bày.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông T1 và bà T có ký hợp đồng thế chấp số 905332.22 ngày 01/12/2022 đối với thửa đất số 6 TBĐ số 51 diện tích 69m^2, đăng ký thế chấp ngày 01/12/2022 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Do điều kiện kinh tế khó khăn nên bà T ông T1 đề nghị Ngân hàng cho thời gian để thu sếp trả nợ cho Ngân hàng.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông T2 ông P xác định gia đình ông sử dụng đúng ranh giới không tranh chấp với bà T ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử vắng mặt vì không liên quan.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng không thành nên phải đưa vụ kiện ra xét xử tại phiên tòa ngày hôm nay.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên phát biểu quan điểm việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật; về đường lối giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị

đơn phải trả số tiền gốc và lãi cho Ngân hàng, buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ các bên cung cấp có trong hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp "Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành tài khoản thẻ tín dụng", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên theo Điều 30, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 01/11/2022 Ngân hàng TMCP Q có ký hợp đồng tín dụng số 5762575.22 cho bà T và ông T1 vay số tiền 1.550.000.000đ theo khế ước nhận nợ số 5762575(1).22 ngày 02/12/2022, thời hạn vay 9 tháng lãi suất 13,3%/năm, phương thức trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 26. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà T và ông T1 đã trả cho ngân hàng 82.469.095đ tiền lãi.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ ông T1 và bà T có ký hợp đồng thế chấp số 905332.22 ngày 01/12/2022 đối với thửa đất số 6 TBĐ số 51 diện tích 69m^2, đăng ký thế chấp ngày 01/12/2022 tại Chi nhánh Văn phòng Đ.

Ngoài ra bà T còn ký hợp đồng phát hành thẻ tín dụng ngày 29/11/2022 với hạn mức 50.000.000đ, đến ngày 29/11/2022 Ngân hàng đã cấp vào thẻ cho bà T số tiền 50 triệu đồng, theo hợp đồng phát hành thẻ thì bà T phải chịu tiền phí duy trì thẻ thường niên 899.000đ/năm, phí thông báo tin nhắn 9.900đ/tháng, lãi chậm thanh toán 200.000đ/tháng.

Tuy nhiên đến ngày 26/5/2023 bà T và ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng đã khóa tài khoản thẻ của bà T, sau đó ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần nhưng ông T1 và bà T không trả nợ nên ngân hàng làm đơn khởi kiên yêu cầu bà T và ông T1 trả nợ số tiền gốc là 1.550.000.000đ và lãi trong hạn là 73.649.059đ, lãi quá hạn tính đến ngày 22/5/2024 là 222.444.975đ Tổng cộng là 1.846.094.034đ

Tại phiên tòa bà T và ông T1 thừa nhận có nợ Ngân hàng TMCP Q tiền gốc và lãi như Ngân hàng trình bày là đúng và đề nghị Ngân hàng cho thời gian để thu xếp trả nợ do điều kiện kinh tế gặp khó khăn.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q Hội đồng xét xử thấy rằng:

[3] Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ và lời thừa nhận của bà Ma Thị T và ông Nguyễn Mạnh T1, Hội đồng xét xử xác định bà T và ông T1 còn nợ Ngân hàng TMCP Q khoản tiền gốc là 1.550.000.000đ. Do bà T và ông T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ được chấp nhận

[4] Về số tiền lãi: Lãi suất trong hạn các bên thỏa thuận lãi suất 13,3%/năm, phương thức trả gốc cuối kỳ, trả lãi hàng tháng vào ngày 26, lãi suất quá hạn 150%/năm. Ngoài ra cá nhân bà T còn thỏa thuận đối với khoản vay theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng thì bà T phải chịu tiền phí duy trì thẻ thường niên 899.000đ/năm, phí thông báo tin nhắn 9.900đ/tháng, lãi chậm thanh toán 200.000đ/tháng.

[5] Từ ngày 26/5/2023 bà T và ông T1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn, nên dư nợ gốc được chuyển sang nợ quá hạn. Số tiền lãi trong hạn được tính

theo mức lãi suất thỏa thuận kể từ thời điểm vay đến thời điểm quá hạn; số tiền lãi quá hạn được tính từ ngày quá hạn thực hiện hợp đồng đến ngày xét xử sơ thẩm 22/5/2024 theo mức lãi quá hạn bằng 150 % lãi suất trong hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

[6] Ngân hàng TMCP Q yêu cầu bà T và ông T1 phải trả khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng tính đến ngày 22/5/2024 cụ thể như sau: Lãi trong hạn là 73.649.059đ, lãi quá hạn là 222.444.975đ và khoản tiền lãi tiếp theo sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[7] Khoản tiền gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ nêu trên được đảm bảo bằng việc thế chấp bằng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6 TBĐ số 51 diện tích 69m2 đo đạc thực tế 66,9m2 đăng ký thế chấp ngày 01/12/2022 tại chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố T.

Nếu bà T ông T1 không trả được nợ thì ngân hàng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Ngoài ra Ngân hàng còn đề nghị Tòa án buộc bà T phải chịu tiền phí và lãi chậm thành toán đối với khoản vay cá nhân của bà T theo hợp đồng phát hành thẻ tín dụng với số tiền là 4.001.370đ là có căn cứ được chấp nhận. Bà T còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi từ ngày 22/5/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng không ghi số ngày 29/11/2022 cho đến khi thanh toán xong.

[7] Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q tự nguyện chịu toàn bộ đã thực hiện xong

[8] Về án phí: Trong vụ án này ông T1 bà T phải chịu án phí sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 91, 95 Luật các Tổ chức tín dụng; Điều 299, Điều 317, Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về án phí;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Q.

1. Buộc bà Ma Thị T và ông Nguyễn Mạnh T1 trả nợ Ngân hàng TMCP Q theo hợp đồng tín dụng số 5762575.22 ngày 01/11/2022, khế ước nhận nợ số 5762575(1).22 ngày 02/12/2022 số tiền gốc là 1.550.000.000đ, lãi trong hạn là 73.649.059đ, lãi quá hạn tính đến ngày 22/5/2024 là 222.444.975đ. Tổng cộng là 1.846.094.034đ.

Bà Ma Thị T và ông Nguyễn Mạnh T1 còn phải tiếp tục thanh toán khoản tiền lãi từ ngày 22/5/2024 theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong.

Nếu bà T ông T1 không thanh toán được khoản tiền nêu trên thì Ngân hàng TMCP Q có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 6 TBĐ số 51 diện tích 66,9m^2 (theo sơ đồ 1,2,3,4,5,6,1), địa chỉ thửa đất tại tổ G phường T, thành phố

T, hợp đồng thế chấp số 905332.22 ngày 01/12/2022, đăng ký thế chấp ngày 01/12/2022 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T để thu hồi nợ.

Buộc bà Ma Thị T trả nợ Ngân hàng TMCP Q số tiền 4.001.370 đ (tiền lãi và tiền phí) theo giấy đề nghị phát hành thẻ tín dụng không ghi số ngày 29/11/2022.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành có đơn đề nghị Thi hành án, nếu bà T không thanh toán khoản tiền trên thì phải chịu lãi suất chậm thi hành cho đến khi thanh toán xong mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng TMCP Q tự nguyện chịu toàn bộ đã thực hiện xong

3. Án phí: Bà T và ông T1 liên đới phải chịu 67.382.800đ án phí KDTM sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước; Bà T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước.

Trả lại Ngân hàng TMCP Q 30.000.000đ tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002124 ngày 23/20/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các quy định tại điều 6,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- THADS TP. Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Dương Thị Liên